



sān yè cǎo
三叶草

noun · clover

Example Sentences

Wǒ zài cǎo dì shàng zhǎo dào yī piàn sān yè cǎo.
我在草地上找到一片三叶草。

I found a clover on the grass.

Sì yè de sān yè cǎo fēi cháng hǎn jiàn bèi shì wéi xìng yùn de xiàng zhēng.
四叶的三叶草非常罕见，被视为幸运的象征。

Four-leaf clovers are very rare and seen as a symbol of luck.

Trace each character, then write the word on your own.

三	三	三	三	三	三						
叶	叶	叶	叶	叶	叶	叶	叶				
草	草	草	草	草	草	草	草	草	草	草	草
草											